

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 01 – 2024

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 564/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 14/02/2004 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Đ, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Anh Lâm Phát T, sinh ngày 17/8/2000 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Nguyễn Huỳnh N trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh Lâm Phát T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, Thành phố C, tỉnh Cà Mau vào năm 2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2022 ngày 30/3/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hay cự cãi với nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Đối với anh Lâm Phát T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh N, nhưng đến nay anh T vẫn

không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lâm Phát T đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Huỳnh N, xét thấy, chị N và anh T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, số đăng ký 26/2022, nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp. Chị N cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn anh T không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của chị N và chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị N xác định không có, còn anh T không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của chị N.

[6] Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Huỳnh N ly hôn với anh Lâm Phát T.

2/ Về con chung: không có.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị N phải nộp. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0008381 vào ngày 06/10/2023, được đối trừ, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh